

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:

**Tâm lý giảng dạy ngoại ngữ (Tên bằng tiếng Việt)
Psychology for Language Teaching (Tên bằng tiếng Anh)**

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: *Nguyễn Thị Mai Hương*

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

Đơn vị công tác: Khoa tiếng Anh, Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: (CQ) 0967681960 (DD)

Email: huongnmh@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các vấn đề liên quan tới quá trình đào tạo giáo viên tiếng Anh
- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho người lớn
- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học và mầm non
- Các lý thuyết về quá trình dạy và các mô hình dạy học hiện đại
- Tâm lý giảng dạy ngoại ngữ
- Lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai

Trợ giảng (họ tên, địa chỉ, điện thoại, e-mail)

2. Thông tin chung về học phần:

Tên học phần: Tâm lý giảng dạy ngoại ngữ

Mã học phần: ENG6027

Số tín chỉ: 3

Các yêu cầu đối với học phần:

- Lên lớp: 30 tiết, trong đó gồm 15 tiết lý thuyết, 10 tiết thảo luận và 5 tiết bài tập.
- Tự học: 90 tiết

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết:

+ Thảo luận, trình bày theo nhóm chuyên đề (có trợ giảng hướng dẫn):

+ Làm việc cá nhân/nhóm (Hoàn thành Dự án cá nhân):

Địa chỉ Khoa, bộ môn phụ trách học phần:

3. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, học viên sẽ nắm được kiến thức và hình thành các kỹ năng sau:

- Kiến thức:

- + Mô tả được cơ chế tâm lý giải thích quá trình học tập nói chung và học ngôn ngữ nói riêng.
- + Nắm được vai trò của người dạy và đặc điểm tâm lý riêng biệt của người học trong quá trình dạy và học để thúc đẩy quá trình dạy và học sao cho hiệu quả.
- + Hiểu được vai trò, bản chất, và nguồn gốc của động cơ học tập, các vấn đề tâm lý liên quan đến học ngoại ngữ, cũng như các chiến lược học tập tùy theo đặc điểm tâm lý riêng biệt của người học. Từ đó, hiểu được vai trò tâm lý của người học và người dạy trong việc

tạo ra một môi trường tối ưu cho việc dạy học nói chung và cho việc dạy học ngoại ngữ nói riêng.

- Kỹ năng:
 - + Biết giải thích quá trình dạy học nói chung và quá trình giảng dạy ngoại ngữ nói riêng thông qua các trường phái tâm lý học đã được nghiên cứu.
 - + Biết áp dụng những hiểu biết về động cơ học tập, các vấn đề tâm lý dạy học ngoại ngữ và đặc điểm tâm lý riêng của người học để xây dựng chiến lược học tập phù hợp cho người học, đào tạo người học tích cực.
 - + Biết xây dựng môi trường học tối ưu cho dạy học nói chung và cho dạy học ngoại ngữ nói riêng

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Hiểu biết về tâm lý dạy học là cơ sở rất quan trọng cho việc tổ chức quá trình dạy học và tạo ra các chiến lược dạy học phù hợp và tạo ra môi trường dạy và học hiệu quả. Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tâm lý dạy học giúp mô tả và giải thích cơ chế hình thành nên quá trình học tập, từ đó hiểu được vai trò tâm lý của người dạy và người học trong việc xây dựng động cơ học và chiến lược học phù hợp. Những yếu tố tâm lý có ảnh hưởng tới quá trình dạy học ngoại ngữ được giới thiệu để người học khám phá và vận dụng những hiểu biết về những vấn đề đó trong dạy học ngoại ngữ, giúp định hướng xây dựng môi trường học ngoại ngữ phù hợp, tính đến những khác biệt về tâm lý của từng đối tượng người học.

5. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1: (N1 Nội dung cốt lõi, phải biết) Đặc điểm và bản chất của các trường phái tâm lý học trong quá trình dạy học và ứng dụng của nó trong dạy học tiếng Anh. Hiểu biết sâu về động cơ học ngoại ngữ, những vấn đề tâm lý thường gặp khi học ngoại ngữ, đặc điểm tâm lý riêng biệt của người học nhằm xây dựng các chiến lược dạy và học, tạo ra môi trường học tiếng phù hợp.

Phần 2: (N2 Nội dung liên quan gần, nên biết) Mối liên quan giữa các trường phái tâm lý học và các lý thuyết học tập

Phần 3: (N2 Nội dung liên quan xa, có thể biết) So sánh ảnh hưởng của triết lý văn hoá giáo dục phương đông và phương tây đối với sự phát triển tâm lý giáo dục trong giảng dạy tiếng Anh .

Nội dung chi tiết học phần: Tên các chương, mục, tiểu mục.

6. Học liệu:

Giáo trình học phần:

Tài liệu do giảng viên sưu tầm và tập hợp

Tài liệu tham khảo

Burden, M.W., Robert L. (2004) *Psychology for Language Teachers*. Ernst Klett Sprachen.

Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) *Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice*. Multilingual Matters.

7. Hình thức tổ chức dạy học:

Hoạt động dạy và học được tiến hành như sau:

- Thuyết trình (Lecture)
- Thảo luận theo nhóm chuyên đề
- Tự học

Lịch trình chung:

Tuần	Nội dung	Source	Homework
1	- Course introduction (Giới thiệu khoá học) - An introduction to educational psychology: (Dẫn luận tâm lý giáo dục học) + Behaviorism and cognitive psychology (tâm lý học hành vi và tâm lý học tri nhận)	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i> . Ernst Klett Sprachen.	Independent reading (Tự nghiên cứu)
2	Further schools of thought in psychology: (các trường phái tâm lý khác) + Humanism and social interactionism (trường phái nhân bản học và tương tác xã hội học)	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i> . Ernst Klett Sprachen.	Independent reading
3	Role of teachers in teaching and learning processes: (Vai trò của giáo viên trong qui trình dạy và học) + A constructivist view of education and teaching (Quan điểm kiến tạo trong giáo dục và giảng dạy) + The theory of mediation in language classroom (Lý thuyết hoà phối trong lớp học ngoại ngữ)	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i> . Ernst Klett Sprachen.	Independent reading
4	The contribution of individual student in learning process: (Đóng góp của cá nhân người học trong quá trình học) + Individual differences (sự khác biệt cá nhân) + The development and importance of self-concept (sự phát triển và tầm quan trọng của khái niệm bản thể)	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i>. Ernst Klett Sprachen. Gregersen, T. &	Independent reading

	+ Exploring language learning strategies, their origins and their significance (Khám phá các kiểu học ngoại ngữ, nguồn gốc và tầm quan trọng của chúng) + Categorising language learning styles (Phân loại các kiểu học ngoại ngữ) + Capitalising on learning styles in language learning and teaching (Tận dụng các kiểu học trong dạy học ngoại ngữ)	MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice</i> . Multilingual Matters.	
5	+ Exploring language learning strategies, their origins and their significance (Khám phá các chiến lược học ngoại ngữ, nguồn gốc và tầm quan trọng của chúng) + Capitalising on language learning strategies_An action plan (Tận dụng các chiến lược học ngoại ngữ_ kế hoạch hành động)	Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice</i> . Multilingual Matters.	Independent reading
6	Group Presentations (trình bày nhóm)		
7	Cognitive abilities: Aptitude, working memory, and multiple intelligences (Năng lực trí nhận: Năng khiếu, trí nhớ, và khả năng đa trí tuệ) + Exploring aptitude, working memory, and multiple intelligences, their origins and their significance (Khám phá năng khiếu, trí nhớ và khả năng đa trí tuệ, nguồn gốc và tầm quan trọng của chúng) + Capitalizing on aptitude, working memory, and multiple intelligences in language learning and teaching (Khám phá trí nhớ và tận dụng trí nhớ trong dạy học ngoại ngữ)	Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice</i> . Multilingual Matters.	
8	Group presentations (trình bày nhóm)		
9	Motivation in language learning 1 (Động cơ học 1) + Early psychological views on motivation (Các quan điểm tâm lý học ban đầu về động cơ học tập) + Motivation in second and foreign language learning (động cơ học ngoại ngữ như một tiếng nước ngoài hoặc ngôn ngữ thứ hai) + Cognitive and socio-constructivist views of motivation (quan điểm về động cơ theo	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i>. Ernst Klett Sprachen. Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing</i>	Independent reading

	trường phát tri nhận và trường phát kiến tạo xã hội)	<i>on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice. Multilingual Matters.</i>	
10	Motivation in language learning 2 (Động cơ học ngoại ngữ 2) + A model of motivation (một mô hình về động cơ) + Intrinsic and extrinsic motivation (động cơ bên trong và động cơ bên ngoài) + Arousal (Gây hứng thú) + Learners' beliefs about themselves (niềm tin của người học về chính bản thân mình) + Setting and achieving goals (đặt và chiếm lĩnh mục tiêu) + The involvement of significant others (sự tham gia của những nguồn tạo động cơ quan trọng khác)□	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i>. Ernst Klett Sprachen. Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice. Multilingual Matters.</i>	Independent reading
11	+ Exploring foreign language anxiety, its origins and its significance (Khám phá cảm giác lo âu khi học ngoại ngữ, nguồn gốc và tầm quan trọng của nó) + Capitalising on foreign language anxiety (Tận dụng sự hiểu biết về cảm giác lo âu trong dạy học ngoại ngữ)	Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice. Multilingual Matters.</i>	Independent reading
12	+ Exploring beliefs, their origins and their significance (Khám phá niềm tin, nguồn gốc và tầm quan trọng của chúng) + Capitalising on beliefs in language learning and teaching (Tận dụng niềm tin trong dạy học ngoại ngữ)	Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice. Multilingual Matters.</i>	Independent reading

13	Group Presentations (trình bày nhóm)		
14	The learning context 1 (hoàn cảnh học tập 1) + Why study learning environments? (tại sao nghiên cứu môi trường học tập?) □ + Classroom structure (cấu trúc lớp học) + Classroom climate (không khí lớp học) □ + Teacher behaviour as part of the learning environment (hành vi giáo viên như một phần của môi trường học tập)	Burden, M.W., Robert L. (2004) <i>Psychology for Language Teachers</i> . Ernst Klett Sprachen.	Independent reading
15	+ Exploring willingness to communicate, its origins and its significance (Khám phá sự tình nguyện giao tiếp, nguồn gốc và tầm quan trọng của nó) + Capitalising on willingness to communicate in language learning and teaching (Tận dụng sự tự nguyện giao tiếp trong dạy học ngoại ngữ)	Gregersen, T. & MacIntyre, P.D. (2013) <i>Capitalizing on Language Learners' Individuality: From Premise to Practice</i> . Multilingual Matters.	Independent reading

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra-đánh giá kết quả học tập học phần:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên (hình thức kiểm tra, hệ số bài kiểm tra, ...)

Kiểm tra đánh giá định kỳ, thi hết môn (hình thức kiểm tra, hệ số bài kiểm tra, ...)

Tiêu chí đánh giá các loại bài kiểm tra

Lịch thi, kiểm tra

- “Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc có trọng số không dưới 60%”(Trích qui chế ĐTSĐH)

8.1. Chuyên cần

- Hình thức: tham gia thảo luận trên lớp học, chuẩn bị bài ở nhà, học theo nhóm ngoài giờ trên lớp, viết bài theo quy định.
- Điểm: 0 hoặc 10
- Tỷ trọng: 10%

8.2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên/kiểm tra bộ phận

- Hình thức: tự luận và trình bày
- Thời gian kiểm tra, đánh giá giữa kì: trong suốt học kì và vào tuần thứ 6 hoặc 7.
- Điểm: từ 0 đến 10.
- Tỷ trọng: 30%

8.3. Thi hết môn

- Hình thức: Tiểu luận.
- Thời gian tổ chức thi hết môn: tuần thứ 14, 15 của học kì.
- Điều kiện dự thi hết môn: Điểm chuyên cần 10; và Điểm kiểm tra bộ phận từ 3 điểm trở lên.

- Điểm: từ 0 đến 10.
- Tỷ trọng: 60%